

Số: /GPMT-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 34/GPMT-UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 01/BVTT ngày 01/7/2025 và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 137/TTr-SNNMT ngày 07/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ tại số 521 Nguyễn Công Phương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

- a) Tên cơ sở: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi.
- b) Địa điểm hoạt động: Số 521 Nguyễn Công Phương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.
- c) Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 08/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 13/7/2007 của UBND tỉnh về việc thành lập Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi.
- d) Mã số thuế: 4300324450.
- đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tâm thần.
- e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Tổng diện tích: 15.873 m².
 - Quy mô: 150 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi:

- 1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
- 2. Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm:
 - a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải sau xử lý không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến ngày 15/7/2032. Giấy phép môi trường số 34/GPMT-UBND, cấp ngày 15/7/2022 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thẩm định, tính pháp lý, sự phù hợp của Giấy phép môi trường này theo quy định; giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Nghĩa Lộ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Nghĩa Lộ;
- Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, NNMT, PVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX₂₆₂.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Ngọc

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo GPMT số /GPMT-UBND ngày/7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Bốn (04) nguồn thải, cụ thể:

Nguồn phát sinh nước thải	Vị trí
Nguồn số 1	Nước thải y tế từ labo các khoa, phòng chuyên môn
Nguồn số 2	Nước thải y tế từ phòng xét nghiệm
Nguồn số 3	Nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh)
Nguồn số 4	Nước thải sinh hoạt (nước rửa, tắm giặt)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ ga thuộc hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Công Phương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vị trí, tọa độ xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải của dự án là hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Công Phương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^0 , múi chiều 3^0): X = 1670868, Y = 584668.

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \approx 4,167 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

c.1) Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

c.2) Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ).

c.3) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5*	
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	120	

4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/l	60	(*)
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	4,8	
6	Nitrate (NO ³⁻ - N)	mg/l	60	
7	Photphate (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/l	12	
8	Amoni (NH ⁴⁺ - N)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24	
10	Coliforms	MPN/ 100ml	5.000*	
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH*	
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH*	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH*	

* Đối với các thông số: pH, Coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholerae trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1.

Ghi chú:

(*): Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ labo các khoa, phòng chuyên môn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Hệ thống thoát nước thải khu vực.

- Nước thải phòng xét nghiệm → Hàm xử lý nước thải sơ bộ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Hệ thống thoát nước thải của khu vực.

- Nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Hệ thống thoát nước thải của khu vực.

- Nước thải sinh hoạt (nước rửa, tắm giặt) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Hệ thống thoát nước thải của khu vực.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi: Nước thải bệnh viện → Song chắn rác → Bể điều hòa và lắng sơ bộ → Thiết bị hợp khối gồm 4 ngăn: ngăn yếm khí, ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí, ngăn lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nước thải đầu ra đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2 (riêng đối với các thông số: pH, Coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholerae trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là Hệ thống thoát nước thải của thành phố.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer, javen, NaOH và hóa chất khử trùng (dung dịch NaOCl 10%).

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

d.1) Công trình ứng phó sự cố: Không có.

d.2) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải:

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra; định kỳ kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo không bị tắc nghẽn.

- Bố trí thiết bị dự phòng để thay thế trong trường hợp hư hỏng (máy thổi khí, máy bơm...).

- Phương án ứng phó sự cố: khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải sẽ đóng van xả nước, tiến hành kiểm tra xác định bể/thiết bị xử lý không hiệu quả để khắc phục. Sau khi hệ thống hoạt động ổn định lại sẽ mở van xả nước.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

a) Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về quy chuẩn xả thải trước khi thoát ra môi trường.

b) Phải có đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, khuyến khích có công tơ điện độc lập và có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, hàng ngày nhân viên vận hành theo dõi và ghi chép đầy đủ các số liệu như: lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại

và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh, các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố (nếu có),...

c) Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

d) Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo GPMT số /GPMT-UBND ngày/7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải – công suất 100 m³/ngày.đêm .

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

a) Vị trí, toạ độ xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải của cơ sở: Ống thoát khí sau tháp hấp phụ khử mùi hôi của hệ thống xử lý nước thải nằm trong khuôn viên Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 108⁰, múi chiều 3⁰): X = 1670917, Y = 584745.

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 564 m³/h $\approx$ 9,4 m³/phút.

b.1) Phương thức xả khí thải: Xả liên tục khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động.

b.2) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1	H ₂ S	mg/Nm ³	5
2	Methyl mercaptan	mg/Nm ³	15

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Mùi hôi phát sinh từ quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom bằng hệ thống đường ống và quạt hút đưa vào tháp hấp phụ. Tháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính.

b) Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí sạch.

- Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc; bảo dưỡng thiết bị và sửa chữa bảo đảm thiết bị hoạt động ổn định, dài ngày; làm chủ máy móc thiết bị; tránh tình trạng hư hỏng đột xuất, bất thường.

- Lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị theo chu kỳ, tuổi thọ và khuyến cáo của nhà sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

a) Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

b) Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

c) Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo GPMT số /GPMT-UBND ngày/7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải được kiểm soát (KS) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	NH	2.635
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02	KS	40
3	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Lỏng	13 01 03	NH	45
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	10
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa - lý	Rắn	12 02 02	KS	164
Tổng					2.894

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chai dịch truyền chứa dung dịch huyết thanh ngọt (đường glucose 5%, 20%), huyết thanh mặn (NaCl 0,9%), các dung dịch acide amine; các loại bao gói nilon và một số chất nhựa khác; các vật liệu giấy, thủy tinh,.. không có yếu tố nguy hại với tổng khối lượng khoảng 1,0 kg/tháng. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động của Nhà máy còn có bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 12.410 kg/năm.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: gồm thức ăn thừa, vỏ hộp thức ăn,..với khối lượng khoảng 110 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: Gồm có 01 (một) nhà kho chất thải nguy hại.
- Diện tích kho: 12 m².

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu chứa: Gồm có 01 (một) nhà kho chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích từ 120-240 lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Nhà kho chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo GPMT số /GPMT-UBND ngày/7/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật./.